

Bản án số: 249/2019/DS-ST

Ngày: 12/6/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Tứ Nhị

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Thành Viên

- Bà Lê Thị Thanh Hồng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Hoài – Thư ký Toà án quận Gò Vấp.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:**

Bà Trần Thị Hải Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 215/2018/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2019/QĐXX-ST ngày 13 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Đình T, sinh năm 1966; Địa chỉ: phường 15, quận Gò Vấp, TPHCM.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Đoàn Thanh T - Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: 1/ Ông Huỳnh Hữu Anh H, sinh năm 1981; Địa chỉ: phường 17, quận Gò Vấp, TPHCM;

2/ Bà Trịnh Ngân H, sinh năm 1984; Địa chỉ: phường 17, quận Gò Vấp, TPHCM;

Người đại diện theo ủy quyền của ông H và bà H là ông Mai Duy L, sinh năm 1966; Địa chỉ: phường 15, quận 10, TPHCM; Địa chỉ liên lạc: phường 2, quận Tân Bình, TPHCM; Văn bản ủy quyền lập cùng ngày 18/7/2018.

Người làm chứng: Ông Võ Công Q, sinh năm 1980; Địa chỉ: phường 01, quận Gò Vấp, TPHCM.

(Nguyên đơn có mặt; Luật sư của nguyên đơn có mặt; Đại diện của bị đơn có mặt; Người làm chứng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 04/5/2018 của nguyên đơn là ông Trần Đình T và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 16/01/2017 ông Huỳnh Hữu Anh H và vợ là bà Trịnh Ngân H có mượn ông Trần Đình T số tiền 450.000.000 đồng. Ông H và bà H có viết giấy mượn tiền và cam kết hạn trả nợ là ngày 28/02/2017. Cho đến nay ông H và bà H vẫn chưa trả số tiền trên nên ông T khởi kiện yêu cầu ông H và bà H có nghĩa vụ thanh toán số tiền trên cho ông ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Số tiền ông T cho ông H và bà H mượn là tài sản riêng của ông, không phải là tài sản chung vợ chồng. Ông Trần Đình T không yêu cầu bị đơn là ông Huỳnh Hữu Anh H và bà Trịnh Ngân H trả lãi và thanh toán chi phí giám định chữ ký.

Bị đơn là ông Huỳnh Hữu Anh H có bản tự khai ngày 23/7/2018 và bản tự khai ngày 13/8/2018 khai rằng:

Giấy mượn tiền ghi ngày 16/01/2017 là do ông viết và ký tên. Nhưng ông viết cho ông Huỳnh Hữu T chứ không viết cho ông Trần Đình T. Việc vay tiền của ông Huỳnh Hữu T ông H đã thanh toán xong cả vốn và lãi trước ngày 28/02/2017. Sau khi trả tiền xong ông đã làm thất lạc giấy vay tiền này tại nhà ông Trần Đình T. Ông Trần Đình T là chủ nhà nơi ông H xây dựng công trình. Ông và bà Trịnh Ngân H đã ly hôn theo Quyết định số 1139/2017/QĐST-HNGĐ ngày 22/8/2017 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh. Giấy mượn tiền ghi ngày 16/01/2017 ông H đã ký giả chữ ký của bà H để mượn tiền. Toàn bộ số tiền trên ông dùng vào việc cá nhân nên không liên quan đến bà H. Do đó, ông H không đồng ý yêu cầu trả nợ của nguyên đơn.

Bị đơn là bà Trịnh Ngân H có người đại diện theo ủy quyền là ông Mai Duy L có bản tự khai ngày 23/7/2018 cho rằng:

Bà Trịnh Ngân H không quen biết ông Trần Đình T. Giấy mượn tiền ngày 16/01/2017 bà H không biết, chữ ký trên giấy mượn tiền mà nguyên đơn xuất trình không phải chữ ký của bà. Thời điểm ông H vay tiền thì mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh nên ông H vay ai và số tiền vay dùng vào việc gì bà đều không biết. Do đó, bà H không đồng ý yêu cầu trả nợ của nguyên đơn.

Tòa án tiến hành lấy lời khai đối với người làm chứng là ông Võ Công Q. Ông Q khai rằng:

Vào ngày 16/01/2017 ông có nhìn thấy có một nhóm người đến quán cà phê NewTown Coffee số 226 Phạm Văn Đồng thuộc phường 01, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh để uống nước (đây là quán do ông Q kinh doanh). Hôm đó cũng vắng khách. Trong đó có ông Trần Đình T, ông Huỳnh Hữu Anh H là khách quen và cũng là bạn hay nhậu chung với ông Q. Hôm đó ông T có hỏi xin ông Q tờ giấy và cây viết. Sau đó ông Q nhìn thấy ông Huỳnh Hữu Anh H viết vào trong tờ giấy đó, nội dung thì ông Q không biết. Ông Q có nhìn thấy ông T đưa một cọc tiền cho ông H và một người phụ nữ được biết là vợ ông H. Nhưng ông Q không biết cụ thể số tiền là bao nhiêu và không nhìn thấy mệnh giá vì cọc tiền có bọc giấy bên ngoài. Lúc ông H viết và nhận tiền thì bà Trịnh Ngân H cũng có mặt ở đó, là người phụ nữ ngồi chung bàn với ông H, ông T. Bà Trịnh Ngân H đến quán cà phê bằng chiếc xe vespa màu vàng. Sau đó bà H có ngồi lại uống nước với ông T và ông H một lúc nữa rồi mới về. Ông Q nghe về vợ ông H rất

nhiều lần nhưng hôm đó cũng là lần đầu tiên ông Q biết mặt vợ của ông H là bà Trịnh Ngân H.

Các bên đương sự trình bày trước phiên tòa hôm nay những ý kiến như nội dung nêu trên.

Tại phiên tòa hôm nay, người làm chứng là ông Võ Công Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Phát biểu của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ nguyên đơn nộp là Giấy mượn tiền ghi ngày 16/01/2017 do ông Huỳnh Hữu Anh H và bà Trịnh Ngân H ký; Căn cứ vào tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập là Biên bản lấy lời khai người làm chứng là ông Võ Công Q, Biên bản làm việc ngày 21/5/2018 của Đảng ủy phường 17, quận Gò Vấp và Kết luận giám định chữ ký của Phân Viện khoa học hình sự - Bộ công an số 3429/C09B ngày 16/10/2018. Số tiền cho mượn là tài sản riêng của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông Huỳnh Hữu Anh H và bà Trịnh Ngân H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Đình T số tiền 450.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí giám định và không yêu cầu bị đơn thanh toán lãi đối với số tiền trên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa; Người làm chứng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh nhận thấy có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án buộc bị đơn thanh toán số tiền 450.000.000 đồng, trường hợp bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì phải chịu tiền lãi chậm thi hành án theo quy định.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Giấy mượn tiền ghi ngày 16/01/2017 là căn cứ khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn thể hiện sự giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự. Do bị đơn không thanh toán đúng hạn nên nguyên đơn khởi kiện bị đơn tại nơi cư trú là quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh thụ lý theo thẩm quyền, điều này phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2 Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có mặt tại phiên tòa phù hợp quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người làm chứng đề nghị xét xử vắng mặt phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, các đương sự không yêu cầu tòa án triệu tập thêm người tham gia tố tụng khác. Do đó, Tòa án không triệu tập thêm người tham gia tố tụng.

[2] *Xét yêu cầu của các đương sự:*

2.1 Về yêu cầu của nguyên đơn:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tòa án buộc bị đơn thanh toán số tiền 450.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 16/01/2017.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu tòa án thu thập tài liệu chứng cứ là biên bản xác minh của Đảng ủy phường 17, quận Gò Vấp; Yêu cầu Giám định chữ ký của bị đơn là bà Trịnh Ngân H trên giấy mượn tiền ghi ngày 16/01/2017 và tiến hành lấy lời khai người làm chứng.

Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ là Biên bản làm việc ngày 21/5/2018 của Đảng ủy phường 17, quận Gò Vấp đối với ông Võ Công Q. Biên bản thể hiện ông Q có nhìn thấy một nhóm người vào quán cà phê New Town uống nước, trong đó có người phụ nữ chạy xe vespa màu vàng tới quán uống cà phê với ông H và ông T. Sau khi được xem hình của ông Huỳnh Hữu Anh H và bà Trịnh Ngân H thì ông Q nhận ra đúng là hai người uống nước của ngày hôm đó.

Tòa án đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định chữ ký của bà Trịnh Ngân H trên giấy mượn tiền ngày 16/01/2017 tại Phân viện khoa học hình sự - Bộ Công an. Theo Kết luận giám định số 3429/C09B ngày 16/10/2018 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: Chữ ký đứng tên Trịnh Ngân H tại mục “Vợ” trên “Giấy mượn tiền” ngày 16/01/2017 (ký hiệu A) so với chữ ký đứng tên Trịnh Ngân H trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M8 là do cùng một người ký ra.

2.2 Về ý kiến của bị đơn là ông Huỳnh Hữu Anh H:

Ông H cho rằng giấy mượn tiền ngày 16/01/2017 là do ông viết nhưng viết cho ông Huỳnh Hữu T chứ không viết cho ông Trần Đình T. Ông đã thanh toán xong vốn và lãi cho ông Huỳnh Hữu T. Giấy mượn tiền ngày 16/01/2017 ông làm thất lạc tại nhà ông Trần Đình T trong quá trình làm việc tại đây. Ông H là người ký giả chữ ký của bà Trịnh Ngân H trên giấy mượn tiền ngày 16/01/2017.

Tòa án ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ là họ tên, địa chỉ của ông Huỳnh Hữu T và các tài liệu chứng cứ thể hiện việc có mất giấy tờ như ông H khai. Ông Mai Duy L là người đại diện theo ủy quyền của ông H nộp cho tòa án Giấy chứng tử của ông Huỳnh Hữu T và cho biết việc làm mất giấy mượn tiền ông H không làm đơn có mất nên không cung cấp được cho tòa án.

2.3 Về ý kiến của bị đơn là bà Trịnh Ngân H:

Ông Mai Duy L là người đại diện theo ủy quyền của bà Trịnh Ngân H cho rằng bà Trịnh Ngân H không quen biết ông Trần Đình T. Giấy mượn tiền ngày 16/01/2017 bà không biết, chữ ký trên giấy mượn tiền mà nguyên đơn xuất trình không phải chữ ký

của bà H. Thời điểm ông H vay tiền thì mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra nên ông H vay ai và số tiền vay dùng vào việc gì bà đều không biết.

2.4 Về lời khai của người làm chứng:

Ông Võ Công Q cung cấp lời khai thống nhất với ý kiến đã trình bày tại Biên bản làm việc ngày 21/5/2018 của Đảng ủy phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, phù hợp lời khai của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại các Biên bản hòa giải và Biên bản đối chất, hòa giải các bên đương sự thống nhất Giấy mượn tiền ngày 16/01/2017 là do ông Huỳnh Hữu Anh H viết đề mượn số tiền 450.000.000 đồng; Các bên đương sự không có ý kiến gì đối với Kết luận giám định số 3429/C09B ngày 16/10/2018 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng phía bị đơn vẫn không thừa nhận việc mượn tiền của ông Trần Đình T, cho rằng Giấy mượn tiền ngày 16/01/2017 là ông H viết đề vay của ông Huỳnh Hữu T và việc trả vốn lãi đã thực hiện xong; Cũng như việc làm mất giấy mượn tiền tại nhà ông Trần Đình T nhưng bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ, thể hiện sự mâu thuẫn trong lời khai của bị đơn. Thời điểm mượn tiền ngày 16/01/2017 ông H và bà H vẫn chưa ly hôn.

Yêu cầu khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn phù hợp các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở khẳng định bị đơn có vay số tiền 450.000.000 đồng của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy việc mượn tiền của ông H bà H có biết nên bà H phải có nghĩa vụ trả nợ cùng với ông Huyền.

Xét thấy, bị đơn không thực hiện đúng thỏa thuận thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả nợ gây thiệt hại cho nguyên đơn, nên cần buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền 450.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí giám định và không yêu cầu tính lãi Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3] Phát biểu của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 và khoản 4 Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; khoản 1 Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là ông Trần Đình T đối với bị đơn là ông Huỳnh Hữu Anh H và bà Trịnh Ngân H.

Buộc ông Huỳnh Hữu Anh H và bà Trịnh Ngân H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Đình T số tiền 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Hữu Anh H và bà Trịnh Ngân H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng).

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn là ông Trần Đình T số tiền 11.960.000 đồng (mười một triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0029222 ngày 16/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND TPHCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Tứ Nhị